

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2025

Thực hiện báo cáo định kỳ công tác cải cách hành chính (CCHC) theo quy định của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang báo cáo công tác cải cách hành chính quý I năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2025 trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TUYÊN TRUYỀN, KIỂM TRA

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình CCHC tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 về công tác CCHC tỉnh An Giang năm 2025. Kế hoạch đã xác định 51 nhiệm vụ trên các lĩnh vực trọng tâm của công tác CCHC, phân công trách nhiệm các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp và thời gian hoàn thành.

- Các ngày 24 tháng 02, ngày 04 tháng 3 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức các Hội nghị tổng kết chuyển đổi số và Đề án 06, tổng kết CCHC năm 2024 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2025. Hội nghị đã tập trung báo cáo, phân tích những kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc của năm 2024 và các nhiệm vụ trọng tâm của năm 2025 để nâng cao hiệu quả công tác chuyển đổi số, Đề án 06 và CCHC, góp phần phát huy lợi thế, tiềm năng và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phấn đấu tăng trưởng kinh tế năm 2025 tỉnh An Giang đạt chỉ tiêu được giao.

- Trên cơ sở Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và Đề án 06 (trên cơ sở hợp nhất các Ban Chỉ đạo chuyển đổi số, CCHC và Tổ công tác triển khai Đề án 06 của tỉnh) để tham mưu việc chỉ đạo, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc triển khai các nhiệm vụ liên quan. Bên cạnh đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp các nội dung: chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ¹; tăng cường tính chủ động, kịp thời trong thực hiện nhiệm vụ

¹ Công văn số 197/UBND-TH ngày 19 tháng 02 năm 2025

được giao²; chấn chỉnh, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác tham mưu, đề xuất các nội dung thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh³; các văn bản chỉ đạo việc đẩy mạnh rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Trong Quý I, các sở, ban ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh đã tích cực, chủ động triển khai các nhiệm vụ CCHC, thực hiện các chủ trương, chính sách, các chỉ đạo từ Chính phủ, Bộ ngành Trung ương, của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng các kế hoạch: tuyên truyền, kiểm tra CCHC và phát động phong trào thi đua đẩy mạnh CCHC năm 2025.

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2025 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI) gắn với đẩy mạnh thu hút đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2025.

2. Công tác tuyên truyền

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các địa phương tiếp tục tăng cường, đa dạng các hình thức tuyên truyền về CCHC. Nội dung tuyên truyền về hiệu quả, phương thức hoạt động, giải quyết các TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã; các nội dung về công khai, minh bạch; đẩy mạnh tuyên truyền sử dụng các dịch vụ công toàn trình, một phần, dịch vụ bưu chính công ích để người dân và doanh nghiệp biết, tiếp cận, sử dụng; phổ biến, quán triệt chương trình, kế hoạch cải cách hành chính năm 2025; chính sách, pháp luật, quy định mới của Trung ương, của tỉnh.

Phát sóng chuyên mục CCHC, chuyên mục Chuyển đổi số và truyền thông tháng 01, 02, 03 của năm 2025 qua Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang. Thông tin tuyên truyền trên Báo An Giang, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các Cổng Thông tin điện tử thành phần; nền tảng mạng xã hội Zalo, Facebook (Sở Nội vụ tỉnh An Giang; thủ tục hành chính - An Giang; cải cách hành chính tỉnh An Giang). Qua đó, thông tin tuyên truyền được phổ biến sâu rộng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, các ngành, các cấp tiếp tục nghiên cứu, triển khai mô hình đổi mới, sáng tạo, giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, như: “Nâng cao hiệu quả tái sử dụng hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam”; “Nâng cao hiệu quả thực hiện chuyển đổi số trong chi trả chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt đối với đối tượng bảo trợ xã hội” (Sở Nội vụ); “Liên thông dữ liệu y tế trên địa bàn tỉnh An Giang với bệnh viện Chợ Rẫy” (Sở Y tế); “Giải pháp hện giờ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh An Giang” (Sở Khoa học và Công nghệ); “Triển khai tuyển sinh đầu cấp trên Hệ

² Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024

³ Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2025

thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh An Giang” (Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ); “Tăng thêm 30 phút/2 buổi/tuần để tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho công dân” (Sở Nông nghiệp và Môi trường), ... và một số giải pháp khác trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

3. Kiểm tra CCHC

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tập trung tháo gỡ những hạn chế, tồn tại của các ngành, các địa phương, nhất là xử lý các điểm nghẽn trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân. Kế hoạch dự kiến kiểm tra 30% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và một số địa phương trong tỉnh. Bên cạnh đó, kiểm tra công vụ theo kế hoạch và đột xuất để kiểm tra việc chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ, thời giờ làm việc, việc chấp hành quy định không sử dụng đồ uống có cồn trong giờ làm việc, giờ nghỉ trưa của ngày làm việc, không tham gia đánh bạc... của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các cơ quan, đơn vị.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

1.1. Về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL):

- Các ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh 04 quyết định thuộc lĩnh vực xây dựng, tài nguyên và môi trường, tài chính; 04 nghị quyết thuộc lĩnh vực tài chính, nông nghiệp và phát triển nông thôn; 07 dự thảo văn bản cá biệt. Dự thảo Quyết định ban hành Danh mục Quyết định quy định chi tiết Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; thẩm định 34 dự thảo VBQPPL.

1.2. Công tác kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa VBQPPL

- Báo cáo kết quả rà soát quy định có tính chất hạn chế quyền và quy định có vướng mắc, bất cập trong thực hiện chuyển đổi xanh, chuyển đổi số trong hệ thống VBQPPL; kết quả rà soát Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; báo cáo công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định về việc công bố Danh mục Nghị quyết, Quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2024; dự thảo Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL năm 2025; ...

- Báo cáo kết quả rà soát ban hành VBQPPL triển khai thi hành các Luật, Nghị quyết của Quốc hội và Nghị định của Chính phủ; dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Đánh giá tác động và thẩm định TTHC

Trong quý I năm 2025, tỉnh chưa có dự thảo VBQPPL có quy định TTHC phát sinh nên không có TTHC nào được đánh giá tác động hoặc thẩm định. Chấp hành tốt các quy định liên quan đến kiểm soát TTHC và Luật ban hành VBQPPL 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

2.2. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

2.2.1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC:

Trong 2 tháng đầu năm, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố 18 quyết định (công bố mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ) với 208 TTHC.

Đến nay tổng số đầu TTHC trên địa bàn tỉnh 1890 TTHC (trong đó có 55 TTHC ngành dọc theo Quyết định số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 07 tháng 10 năm 2019) giảm 99 TTHC so với năm 2020.

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 10 quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC của 05 cơ quan: Sở Giao thông vận tải, Sở Y tế, Sở Công thương, Sở Nội vụ, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (trước khi triển khai việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy).

2.2.2. Quyết định 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính Nhà nước giai đoạn 2022-2025: Tỉnh đã ban hành 13 quyết định với 206/500 TTHC nội bộ của 12 Sở, ngành (còn 294 TTHC nội bộ chưa ban hành).

2.2.3. Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

- 100% TTHC được tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa và được công bố theo đúng quy định (tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã). Hiện tỉnh đang rà soát đề trình công bố lại danh mục TTHC tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh mới thành lập.

- Ban hành danh mục TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh với 85 thủ tục (các cơ quan ngành dọc 05 thủ tục); liên thông cùng cấp với 140 thủ tục (cấp tỉnh với 103 thủ tục; cấp huyện với 31 thủ tục; các cơ quan ngành dọc với 06 thủ tục); danh mục TTHC có thành phần hồ sơ phải số hóa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã và các đơn vị giải quyết TTHC (theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 01/2023/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ, hiện nay hầu như bắt buộc 100%, trừ các hồ sơ có bản vẽ kích thước lớn); danh mục TTHC bắt buộc trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử cho tổ chức, cá nhân; danh mục TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên địa bàn tỉnh An Giang (cung cấp toàn trình 1405 DVCTT; cung cấp một phần 470 DVCTT; cung cấp thông tin 80 DVC).

2.3. Về việc kiện toàn tổ chức bộ máy và triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Triển khai Quyết định số 468/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, 100% Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công), cấp huyện và cấp xã đã được kiện toàn, đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả trong việc tiếp nhận và giải quyết TTHC trên toàn tỉnh.

2.4. Về kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC

- Cổng Dịch vụ công (DVC) tỉnh đã hợp nhất với Hệ thống thông tin một cửa điện tử thành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và đã kết nối chính thức với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư vào ngày 11 tháng 12 năm 2022.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã được kết nối với các phần mềm chuyên ngành của các Bộ, ngành Trung ương thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), gồm phần mềm của các bộ, ngành: Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giao thông vận tải, Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Kết nối với ứng dụng VNeID để thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp; kết nối thành công với Phần mềm dịch vụ công của Bộ Công an để thực hiện liên thông 02 nhóm TTHC: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

- Hoàn thành việc số hóa sổ bộ hộ tịch (trước, sau giải phóng) phục vụ giải quyết TTHC phi địa giới hành chính (tiếp nhận, thẩm định, xử lý và trả kết quả). Người dân không phụ thuộc vào nơi cư trú có quyền yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch cấp bản sao trích lục hộ tịch về sự kiện hộ tịch của mình đã được đăng ký. Công tác này được triển khai từ 02 tháng 12 năm 2024, góp phần đơn giản hóa TTHC, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí đi lại cho người dân.

2.5. Về số hóa hồ sơ, kết quả TTHC

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC đạt 81,84% (*đảm bảo 80% theo Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ*), số hóa kết quả điện tử đạt 82,04% (*chưa đảm bảo 100% theo Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ*). Tuy nhiên, tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa còn thấp, chỉ đạt 3,2% (tăng hơn năm 2024 chỉ đạt 1,39%), chưa đạt chỉ tiêu tối thiểu 50%. Đây là một hạn chế tỉnh sẽ khắc phục trong thời gian tới.

2.6. Kết quả giải quyết TTHC

Thông kê trên cổng Dịch vụ công Quốc gia những tháng đầu năm 2025:

- Tỷ lệ giải quyết TTHC của tỉnh đạt 19,4/20 điểm (tỷ lệ 97%). Trong đó, tháng 01 đạt 97,39 %; tháng 02 đạt 96,92 %, tháng 3 đạt 89,12 %.

- Tỷ lệ hài lòng trong giải quyết TTHC đạt 96,91% (134.781/139.084 hồ sơ).

2.7. Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC

Đầu năm tỉnh đã tiếp nhận, xử lý 41/41 PAKN đảm bảo đúng thời gian theo quy định (tỷ lệ hài lòng đạt 100%).

2.8. Kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC theo Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Tổng 3 tháng đầu năm 2025, tỉnh An Giang đạt 81,08 điểm xếp loại Tốt.

2.9. Rà soát, đơn giản, xóa bỏ các TTHC trong năm 2025

Tỉnh đang xây dựng kế hoạch rà soát đơn giản hóa TTHC năm 2025 làm cơ sở kiến nghị với các cấp có thẩm quyền sửa đổi, bãi bỏ TTHC hết hiệu lực, không phù hợp... Đối với TTHC do địa phương quy định: An Giang có 01 quyết định quy định TTHC là Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 29 tháng 03 năm 2021 về công bố TTHC lĩnh vực du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và của Ủy ban nhân dân cấp huyện với 04 TTHC (cấp tỉnh, cấp huyện: thủ tục đề nghị hỗ trợ đầu tư, thủ tục đề nghị nhận hỗ trợ đầu tư).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Thực hiện các văn bản của Ban Chỉ đạo Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ⁴, Kế hoạch số 210-KH/TU ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo, chỉ đạo định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị của tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2025 về triển khai sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và Phương án số 04/PA-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2025 về định hướng sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh An Giang. Với tinh thần khẩn trương, quyết liệt “vừa chạy vừa xếp hàng”, tỉnh An Giang đã hoàn thành công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị của tỉnh đúng tiến độ theo yêu cầu của Trung ương; cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn một số tổ chức và các đầu mối bên trong của từng tổ chức theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian, giảm cấp phó, cụ thể:

+ Đối với các cơ quan cấp tỉnh: Giảm từ 20 cơ quan cấp tỉnh xuống còn 14 cơ quan, đạt tỷ lệ 30%. Trong đó giảm từ 19 cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh xuống còn 13 cơ quan (giảm 06 cơ quan).

+ Đối với các phòng, ban chuyên môn thuộc cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: Giảm từ 118 còn 85 phòng (giảm 33 phòng), đạt tỷ lệ 27,97%.

+ Đối với Chi cục và tương đương: giảm từ 14 chi cục còn 6 chi cục, tổ chức lại 08 chi cục thành phòng, đạt tỷ lệ 27,97%. Đồng thời, tiếp nhận nguyên trạng Cục Quản lý thị trường thuộc Bộ Công Thương để tổ chức thành Chi cục Quản lý

⁴ Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18, ngày 05/12/2024, Công văn số 02/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12/12/2024; Công văn số 24/CV-BCĐTKNQ18 ngày 18/12/2024, Công văn số 27/CV-BCĐTKNQ18 ngày 23/12/2024, Công văn số 05/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12/01/2025, Công văn số 7968/BNV-CCVC ngày 08/12/2024 của Bộ Nội vụ,...

thị trường thuộc Sở Công Thương. Do đó, tổng số Chi cục và tương đương của tỉnh An Giang là 07.

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: Giảm từ 08 xuống còn 07 đơn vị (giảm 01 do sáp nhập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và khu vực phát triển đô thị và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp thành lập Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang); đang thực hiện trình tự giải thể Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư.

+ Đối với các phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Giảm từ 128 còn 103 phòng (giảm 25 phòng), đạt tỷ lệ 19,53%.

- Ban hành 14 Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan cấp tỉnh đảm bảo theo quy định, hướng dẫn của Trung ương (*Danh sách các Quyết định kèm theo Báo cáo*).

- Về quản lý biên chế: Trên cơ sở các chủ trương, định hướng của Trung ương⁵, tỉnh An Giang đã tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo quy định của pháp luật; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quán triệt các văn bản chỉ đạo, triển khai giao biên chế giai đoạn 2022 - 2026 cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương theo thẩm quyền; xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng biên chế hằng năm và giai đoạn 2022 - 2026; xác định cụ thể lộ trình, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện tinh giản biên chế đến hết năm 2026.

+ Biên chế công chức: Căn cứ Quyết định số 84-QĐ/BTCTW, đến năm 2026 tổng biên chế công chức khối chính quyền địa phương của tỉnh An Giang là 2.308 biên chế, giảm theo lộ trình 117 biên chế so với số giao năm 2021 là 2.425 biên chế, tỷ lệ 4,82%. Đã tiếp nhận thêm 43 biên chế (Năm 2022 tiếp nhận 04 biên chế công chức từ Trung ương chuyển về do thành lập Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. Năm 2023 tiếp nhận 39 biên chế công chức từ khối Đảng chuyển về do tổ chức lại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên là 21 biên chế, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú là 18 biên chế). Như vậy, tổng biên chế công chức đến năm 2026 của tỉnh An Giang là 2.351 biên chế.

Năm 2025, số biên chế công chức tỉnh An Giang giao là 2.383 biên chế, giảm 85/117 biên chế so với năm 2021, tỷ lệ 3,51%/4,82%. Như vậy, năm 2026 tỉnh An Giang tiếp tục giảm 32 biên chế công chức để đảm bảo tỷ lệ giảm biên chế theo lộ trình của Trung ương giao cho tỉnh.

+ Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Căn cứ Quyết định số 84-QĐ/BTCTW, đến năm 2026 tổng số lượng người làm việc

⁵ Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026; Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026; Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 84-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh An Giang giai đoạn 2022 - 2026.

hưởng lương từ ngân sách nhà nước của tỉnh An Giang là 30.380 viên chức, tương đương giảm 3.376 biên chế so với số giao năm 2021 là 33.756 viên chức, tỷ lệ 10%. Năm 2023, Ban Tổ chức Trung ương giao bổ sung cho tỉnh An Giang 14 biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2022 – 2023 và năm 2024 giao bổ sung 124 biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2023 - 2024 (của giai đoạn 2022 - 2026). Do đó, đến năm 2026 số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước của tỉnh An Giang là 30.518 biên chế.

Năm 2025, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tỉnh An Giang giao là 31.896 người, giảm 1.984/3.376 biên chế so với năm 2021, tỷ lệ 5,88%/10%. Như vậy, năm 2026 tỉnh An Giang tiếp tục giảm 1.392 người để đảm bảo tỷ lệ giảm biên chế theo lộ trình của Trung ương giao cho tỉnh.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm

Xây dựng, hoàn thiện danh mục vị trí việc làm cùng với khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm làm cơ sở xác định biên chế của từng cơ quan, tổ chức.

- Tính đến nay, tỉnh An Giang đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm của 33/33 cơ quan, tổ chức hành chính, đạt tỷ lệ 100%, gồm:

+ 19 cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

+ 03 tổ chức hành chính khác (Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh);

+ 11 Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- Tổng số vị trí việc làm và biên chế công chức được giao tương ứng với các vị trí việc làm: 2.531 vị trí, 2.411 biên chế, trong đó:

+ Vị trí việc làm lãnh đạo quản lý: 326 vị trí, 952 biên chế.

+ Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: 1.575 vị trí, 1.091 biên chế.

+ Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 519 vị trí, 368 biên chế.

+ Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ: 111 vị trí, 223 hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

- Tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức của tỉnh An Giang như sau:

+ Chuyên viên chính và tương đương: 17,89%.

+ Chuyên viên và tương đương: 79,71%.

+ Cán sự và tương đương: 1,99%.

+ Nhân viên: 0,41%.

- Tỉnh đã phê duyệt 851/851 đơn vị sự nghiệp công lập (trong đó: 802 đơn vị sự nghiệp công lập đơn vị tự chủ nhóm 3 và nhóm 4 thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; 49 đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ nhóm 1, nhóm 2 do Thủ trưởng đơn vị tự phê duyệt), đạt tỷ lệ 100%.

- Tổng số vị trí việc làm và số lượng người làm việc được giao tương ứng với các vị trí việc làm: 13.134 vị trí, 38.024 người (số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 31.879 người; số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 6.145 người), trong đó:

+ Vị trí việc làm lãnh đạo quản lý: 2.076 vị trí, 3.919 người.

+ Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: 4.654 vị trí, 30.611 người.

+ Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 4.736 vị trí, 3.494 người.

+ Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ: 1.668 vị trí, 2.556 hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

- Tỷ lệ cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của tỉnh An Giang như sau:

+ Hạng I: 3,05%	+ Hạng III: 34,95%	+ Hạng V: 0,32%
+ Hạng II: 45,81%	+ Hạng IV: 15,88%	

4.2. Về công chức cấp xã

An Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (02 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện) với 155 đơn vị hành chính cấp xã (27 phường, 18 thị trấn và 110 xã). Thống kê về số lượng cán bộ, công chức cấp xã có mặt tính đến thời điểm tháng 3/2025 trên địa bàn tỉnh An Giang, như sau:

- Tổng số cán bộ, công chức là 3.183 người.

+ Số lượng cán bộ cấp xã là 1.664 người.

+ Số lượng công chức cấp xã là 1.519 người.

- Trong đó:

+ Số cán bộ, công chức tại các phường là 560 người.

+ Số cán bộ, công chức thị trấn là 372 người.

+ Số cán bộ, công chức tại các xã là 2.251 người.

4.3. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

- Tỉnh ban hành 03 VBQPPL về phân cấp, quản lý cán bộ, công chức, viên chức:

+ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định việc nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 11/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền tuyển dụng, sử dụng và thực hiện chế độ tiền lương đối với công chức trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 11/02/2025 ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền tuyển dụng, sử dụng và thực hiện chế độ tiền lương đối với viên chức trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản: (1) Ban hành Quyết định Quy định thành phần tham dự các bước trong quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc Sở, cấp phòng thuộc Chi cục trên địa bàn tỉnh An Giang; (2) Đề xuất bãi bỏ Quy định thành phần tham dự các bước trong quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức quản lý được quy định tại Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Báo cáo Bộ Nội vụ các nội dung: (1) kết quả thực hiện Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021 - 2030”; (2) về thực hiện chế độ tiền lương, phụ cấp đối với viên chức hành chính.

- Báo cáo “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển và sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao” gửi Chính phủ, Đoàn Giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh phục vụ giám sát chuyên đề.

- Thực hiện đúng các quy định, trình tự, thủ tục về bổ nhiệm ngạch, nâng ngạch, xếp lương cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá xếp loại chất lượng năm 2024 và thông báo kết quả thẩm định hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng của các đối tượng giữ chức vụ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm.

4.4. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển nguồn nhân lực năm 2025. Triển khai Chương trình hợp tác với Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Triển khai các chương trình học bổng, đào tạo ở nước ngoài đến cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Tổ chức thực hiện đúng quy định về công tác tài chính - ngân sách (giải ngân KH vốn đầu tư NSNN, sử dụng kinh phí, ...)

Thanh toán vốn kế hoạch năm 2025 lũy kế đến hết tháng 02 là 424.204 triệu đồng/9.806.315 triệu đồng, đạt 4,33%, trường hợp không kể kế hoạch vốn chưa được phân bổ chi tiết (2.061.582 triệu đồng) thì tỷ lệ thanh toán đạt 5,48% (424.204 triệu đồng/7.744.733 triệu đồng). Ước thanh toán vốn kế hoạch năm 2025 đến hết tháng 3 là 551.465 triệu đồng/9.806.315 triệu đồng, đạt 5,62%.

5.2. Quản lý, sử dụng tài sản công hiệu quả (tổ chức thực hiện, kiểm tra...)

5.2.1. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công:

a) Cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung sau:

- Đăng ký nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại kỳ họp giữa năm 2025 với nội dung: “Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 24/2023/NQHĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024”.

- Xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Hướng dẫn tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm.

- Thẩm định và thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Đối với tình hình thực hiện tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý:

- Triển khai theo quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính trong việc sử dụng phần mềm tổng kiểm kê tài sản công.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 247/UBND-KTTH ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc thực hiện tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

- Khẩn trương tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024 tỉnh An Giang để báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

5.2.2 Công tác quản lý nhà, đất, cơ sở hạ tầng:

- Ngành chuyên môn đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét các nội dung:

- + Hướng dẫn xử lý tài sản trong quá trình sắp xếp, tổ chức bộ máy và góp ý phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

- + Góp ý dự thảo Nghị định, dự thảo Thông tư của Chính phủ và Bộ ngành liên quan.

- + Chuyển giao các cơ sở nhà, đất công về Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh quản lý, xử lý.

- + Báo cáo nhanh gửi Bộ Tài chính về rà soát trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản công khác theo Công điện số 125/CĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- + Báo cáo Phương án tổng thể về sắp xếp cơ sở nhà, đất do nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Triển khai Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất; Thông tư số 01/2025/TT-BTC ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng chợ... đến Văn phòng Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị, thành.

5.2.3 Công tác quản lý, mua sắm, sử dụng phương tiện xe ô tô:

- Ban hành Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2025 quy định thẩm quyền quyết định việc áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang. Thông báo đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị biết để triển khai thực hiện.

- Triển khai thanh lý xe ô tô của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định.

5.3. Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ và tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các Nghị định khác có liên quan (nếu có)

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các quy định trên và báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang gửi Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ. Hiện đang rà soát, đánh giá tình hình thực hiện chế độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024 để báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

5.4. Về triển khai quy định của Trung ương về đổi mới cơ chế tự chủ về tài chính tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (khi có văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương): Chưa triển khai do chưa có văn bản hướng dẫn khác đối với việc đổi mới cơ chế tự chủ về tài chính tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ, ngành trung ương.

5.5. Thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần giai đoạn 2023 - 2025

Đến nay, tỉnh An Giang chưa có ĐVSNCL chuyển thành công ty cổ phần. Đang tiếp tục rà soát để tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền theo quy định.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

6.1. Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước

Tỉnh đã ban hành các kế hoạch triển khai Nghị quyết của Ban thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; kế hoạch chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2025 .

a) Hạ tầng công nghệ thông tin:

- Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% trung tâm xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% khóm, ấp; 100% các khu công nghiệp, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện có kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, điều hành; 100% cơ quan nhà nước của tỉnh có mạng cục bộ (LAN) và được kết nối mạng Internet, mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh: 71,29%; Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: 74,7%; Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối băng rộng

cố định: 83,17%; Tỷ lệ phủ rộng mạng băng rộng cố định, tỷ lệ phủ sóng 3G/4G đạt 100% các xã toàn tỉnh và đang triển khai mạng 5G.

+ Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh An Giang được đầu tư đã lâu, trang thiết bị xuống cấp.

b) Cổng dữ liệu mở tỉnh An Giang được vận hành tại địa chỉ <https://opendata.angiang.gov.vn/>, thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu mở của các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh để cá nhân, tổ chức khai thác, sử dụng; số lượng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã cung cấp dữ liệu mở là 180/188 cơ quan, đạt tỉ lệ 95,74%.

c) Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh An Giang tại địa chỉ: <https://dichvucong.angiang.gov.vn/>; thực hiện cung cấp dịch vụ công của tỉnh đáp ứng đầy đủ theo danh mục quy định của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

- Tích hợp Hệ thống trả lời tự động TTHC được duy trì và vận hành ổn định nhằm hỗ trợ, giải đáp, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp 24/7 trong quá trình nộp và giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, triển khai quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và tái sử dụng kết quả giải quyết TTHC trước đó đến 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

d) Hệ thống quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành triển khai đáp ứng các quy trình nghiệp vụ quy định tại Quyết định 28/2018/QĐ-TTg, đồng thời liên thông gửi nhận văn bản với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương thông qua Trục liên thông văn bản Quốc gia (VDXP), liên thông gửi nhận văn bản giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh (đảm bảo kết nối 100% sở, ban, ngành và tương đương, Ủy ban nhân dân các cấp).

đ) Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc đã triển khai đến nhiều đơn vị cấp Sở, huyện. Theo đó, tài liệu họp có thể số hóa chuyển cho các thành viên tham dự nhằm hạn chế sử dụng văn bản giấy.

e) Hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động (LRIS): Đã triển khai thí điểm cho các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng giúp điện tử hóa, chuẩn hóa chế độ, biểu mẫu báo cáo của các cơ quan trên địa bàn tỉnh và kết nối, liên thông với Hệ thống báo cáo Chính phủ.

g) Cổng thông tin điện tử tỉnh nâng cấp đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định, thực hiện công bố, công khai và cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin của cơ quan nhà nước cho tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng theo quy định, đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6; kết nối với Hệ thống thu thập đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến.

h) Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh đã kết nối liên thông dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với phần mềm, hệ thống nội bộ tỉnh; liên thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia với phần mềm, hệ thống 11 bộ, ngành, đảm bảo tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

i) Thực hiện cập nhật, ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh An Giang phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số đảm bảo phù hợp theo quy chuẩn, quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ).

l) Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh An Giang bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, bảo vệ thông tin cá nhân, tổ chức.

m) Thiết lập mạng lưới công nghệ số cộng đồng hỗ trợ triển khai chính quyền số, kinh tế số, và xã hội số đến xã, phường, thị trấn, khóm, ấp: Đã thành lập 1.035 Tổ công nghệ số cộng đồng, có 7.991 thành viên tham gia.

n) Ban hành kế hoạch phát hành chuyên mục “Chuyển đổi số và Truyền thông tỉnh” nhằm tuyên truyền nâng cao hiểu biết, nhận thức, trách nhiệm và năng lực chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân.

6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

- Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tiếp tục được duy trì.

- Báo cáo tình hình xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 gửi Bộ Khoa học và Công nghệ và Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của 17 cơ quan, trường THPT theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ban hành Kế hoạch xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại 121 trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh năm 2025.

7. Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển KT-XH

a) Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh: Tổng số vốn thu hút đầu tư của tỉnh (từ khu vực ngoài nhà nước) của Quý I năm 2025: 00 đồng

b) Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh:

- Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường Quý I năm 2025 là 447 doanh nghiệp (đăng ký mới 307DN và 140 doanh nghiệp hoạt động trở lại), tăng 11,61% so với cùng kỳ.

- Số vốn đăng ký của doanh nghiệp (bao gồm cả số vốn đăng ký mới) Quý I năm 2025 là 1.386 tỷ đồng tăng 29,61% so với cùng kỳ.

- Báo cáo mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

+ Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang tháng 02 tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực, tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm 2024 trên nhiều lĩnh vực, góp phần hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội của năm 2025. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đều duy trì mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2024 như: Chỉ số sản xuất công nghiệp toàn tỉnh tháng 02 ước tăng 3,92% so với cùng kỳ. Ước doanh thu bán buôn, bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tháng 02 ước đạt 21.798,6 tỷ đồng, tăng 15,36% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 02 ước

đạt 104,7 triệu USD, tăng 7,35% so với tháng cùng kỳ. Tổng doanh thu từ hoạt động du lịch lũy kế đạt 2.150 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ.

+ Thu ngân sách ước tháng 02 đạt 575 tỷ đồng, ước thực hiện 02 tháng đầu năm là 1.929 tỷ đồng, đạt 25,12% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 90,18% so cùng kỳ. Trong đó: thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước thực hiện tháng 02 là 25 tỷ đồng, ước thực hiện 02 tháng đầu năm là 70 tỷ đồng, đạt 15,22% dự toán và bằng 67,27% so cùng kỳ; thu nội địa ước thực hiện tháng 02 là 550 tỷ đồng, ước thực hiện 02 tháng đầu năm là 1.859 tỷ đồng, đạt 25,75% dự toán, bằng 91,35% so cùng kỳ; nếu không kể số thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết thì ước thực hiện tháng 02 là 376 tỷ đồng, ước thực hiện 02 tháng đầu năm là 993 tỷ đồng, đạt 21,58% dự toán và bằng 83,41% so cùng kỳ.

III. ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT CHUNG

1. Mặt đạt được

- Ngay từ đầu năm 2025, công tác CCHC luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh. Các ngành, các cấp đã chủ động phối hợp, tham mưu xây dựng Kế hoạch CCHC tỉnh năm 2025 và cụ thể hóa kế hoạch của từng ngành, từng địa phương, vừa bám sát các nhiệm vụ, mục tiêu theo Nghị quyết số 76/NQ-CP của Chính phủ và các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Sự quan tâm, lãnh, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, yêu cầu thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban Chỉ đạo (trên cơ sở hợp nhất các Ban Chỉ đạo CCHC, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số và Tổ Công tác triển khai Đề án 06) nhằm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn.

- Tăng cường công tác chỉ đạo chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ; chỉ thị chấn chỉnh tinh thần trách nhiệm trong công tác tham mưu, đề xuất các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giúp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm hơn trong thực thi nhiệm vụ, công vụ.

- Công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC được các ngành, các cấp trong tỉnh đẩy mạnh thực hiện; thường xuyên rà soát, công bố, công khai theo quy định góp phần cải thiện, nâng cao Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của tỉnh An Giang trong thời gian qua.

- Thực hiện đảm bảo tiến độ sắp xếp, sáp nhập tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII.

2. Khó khăn, hạn chế

- Tỷ lệ người dân, tổ chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện TTHC còn thấp do chưa có thiết bị công nghệ hiện đại để scan các loại giấy tờ có liên quan khi nộp hồ sơ trực tuyến. Đồng thời, có điện thoại thông minh vẫn khó

thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến do các chức năng còn rườm rà, phức tạp, khó thao tác, nên cần phải điều chỉnh các trường thông tin khi nộp hồ sơ đơn giản hơn nữa.

- Một số lĩnh vực thực hiện tiếp nhận, xử lý trên Cổng dịch vụ công của Bộ, ngành trung ương nhưng chưa đồng bộ đầy đủ với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh nên việc báo cáo, chỉ đạo điều hành của tỉnh gặp nhiều khó khăn.

- Việc số hóa hồ sơ đầu vào tại Bộ phận một cửa các cấp vẫn còn thấp so với hồ sơ tiếp nhận. Tỷ lệ khai thác dữ liệu số hóa còn thấp chỉ đạt 3,2% so với mục tiêu 50% (do thiếu đồng bộ trong hệ thống như kết nối, chưa chuẩn hóa dữ liệu với CSDL quốc gia về TTHC; Quy trình nghiệp vụ chưa được thực hiện đầy đủ như: Chưa cập nhật đầy đủ dữ liệu, chưa đảm bảo việc lưu tài liệu, kết quả điện tử về Kho Dữ liệu Cổng DVCQG theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ).

- Về lĩnh vực tư pháp:

- + Thủ tục liên thông đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân theo quy định thì thời hạn giải quyết là 05 ngày, nếu đơn vị phối hợp xác nhận tình trạng hôn nhân không trả lời hoặc trả lời quá 05 ngày thì hồ sơ liên thông trên Cổng dịch vụ công sẽ bị trễ hạn, do chọn quy trình liên thông nên công chức hộ tịch không thể xử lý hồ sơ được, phải chờ hoàn thành bên phần mềm hộ tịch để đồng bộ qua cổng dịch vụ công tỉnh An Giang. Một số trường hợp người dân có nhiều nơi cư trú khác nhau, công chức hộ tịch không tra cứu được tình trạng hôn nhân trên phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch do lỗi hệ thống hoặc không có dữ liệu hoặc tra cứu được nhưng thông tin không đầy đủ, không chứng minh được đúng tình trạng hôn nhân hoặc có dấu hiệu cho thấy thông tin người yêu cầu cung cấp không đúng sự thật thì cơ quan đăng ký hộ tịch thực hiện việc xác minh. Tuy nhiên, trên phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch chỉ tạo được 01 đề nghị yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân, trường hợp công dân cư trú nhiều nơi thì công chức hộ tịch phải gửi văn bản (giấy) đề nghị phối hợp xác minh. Tỉnh An Giang đang triển khai quy trình liên thông đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến. Tuy nhiên, quá trình thực hiện quy trình liên thông đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân tại cấp huyện theo tài liệu kỹ thuật, các thông tin tại trường chongNoiCuTru/voNoiCuTru đang được yêu cầu bắt buộc nhập và không thể để trống. Do đó, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh chưa thể thực hiện gửi liên thông trong trường hợp kết hôn với người nước ngoài tại Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- + Triển khai Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về liên thông 02 nhóm TTHC liên thông khai sinh, khai tử: Trạng thái hồ sơ đăng ký khai sinh chờ Bộ Công an cấp số định danh cá nhân trên Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch còn rất chậm, công chức Tư pháp - Hộ tịch không thể vào xử lý hồ sơ đăng ký khai sinh được nên thường xuyên bị trễ hạn trên hệ thống. Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch thường xuyên bị quá tải, không thể đăng nhập vào tài khoản được để xử lý hồ sơ đăng ký hộ tịch. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Bộ Công an chưa cập nhật các thay đổi, cải chính hộ tịch của công dân từ

Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp chuyển sang, gây khó khăn cho người dân sau khi làm thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch.

- Về lĩnh vực tài chính:

+ Sở Khoa học và Công nghệ đã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện hoàn thành việc kết nối, tích hợp Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhưng khi tra cứu các chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia vẫn thể hiện Sở Tài chính đạt tỷ lệ thấp.

+ Mặc dù, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã thiết kế cho phép ký số vào kết quả TTHC về đăng ký doanh nghiệp, tuy nhiên, thực tế triển khai Sở Tài chính An Giang chưa thực hiện ký số theo hướng dẫn tại Công văn số 16/ĐKKD-TTHT do khi chọn quy trình “ký số” thì hệ thống không cho format file PDF Giấy chứng nhận để có khoảng trống chèn chữ “ký số”.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị Văn phòng Chính phủ: chủ trì đôn đốc các Bộ ban hành danh mục TTHC có thành phần hồ sơ phải số hóa để địa phương thực hiện thống nhất. Hoàn thành việc nâng cấp, mở rộng hệ thống Dịch vụ công trực tuyến để đồng bộ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Kiến nghị Bộ Tư pháp, Bộ Công an

- Hỗ trợ kịp thời, kiểm tra khắc phục hệ thống thông tin quản lý hộ tịch và cấp số định danh cá nhân nhanh hơn để công chức hộ tịch có thể xử lý, trả kết quả hồ sơ đăng ký hộ tịch đúng hạn theo quy định. Hỗ trợ và sớm hoàn thành việc test liên thông 02 nhóm TTHC đăng ký kết hôn, cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trên hệ thống theo kịch bản và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

- Phối hợp thực hiện việc đồng bộ dữ liệu từ Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sau khi công chức hộ tịch thực hiện xong việc thay đổi, cải chính.

3. Kiến nghị Bộ Tài chính

- Tháo gỡ khó khăn hạn chế về việc kết nối, tích hợp Hệ thống dịch vụ công trực tuyến Cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

- Sớm nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện “ký số” để trả Kết quả giải quyết TTHC điện tử cho cá nhân/tổ chức.

4. Kiến nghị Bộ Tư pháp

- Đảm bảo vận hành ổn định Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch để hồ sơ đăng ký hộ tịch đảm bảo thời gian theo quy định tránh tình trạng không ổn định như hiện nay.

- Cho phép tích hợp các thông tin tại trường chongNoiCuTru/voNoiCuTru để Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang thực hiện gửi hồ sơ liên thông đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trong trường hợp kết hôn với người nước ngoài tại Ủy ban nhân dân cấp huyện.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2025

1. Tiếp tục triển khai nhiệm vụ CCHC quý II năm 2025. Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước.

2. Thực hiện việc xây dựng, ban hành VBQPPL đảm bảo theo quy định. Thường xuyên rà soát, kiểm tra để kịp thời phát hiện những bất cập, vướng mắc để kiến nghị, tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới cho phù hợp.

3. Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa TTHC, nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát TTHC, góp phần nâng cao Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp tỉnh An Giang. Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp, hướng đến nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm phục vụ.

4. Theo dõi kết quả công bố Chỉ số CCHC cấp tỉnh năm 2024 của Bộ Nội vụ. Chủ động rà soát, phân tích những ưu điểm, hạn chế và triển khai các giải pháp khắc phục, nâng cao kết quả Chỉ số CCHC tỉnh năm 2025.

5. Tiếp tục nghiên cứu, triển khai các giải pháp nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS), Chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) của tỉnh An Giang năm 2025.

6. Tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành, đẩy mạnh cải cách TTHC, lợi ích, hiệu quả đăng ký giải quyết TTHC trực tuyến đến người dân, tổ chức để tiếp cận, làm quen với chuyển đổi số.

7. Tập trung thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chủ trương, quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Bộ ngành Trung ương thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

8. Xây dựng kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình số 32-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang.

9. Nghiên cứu cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và tỷ lệ thanh toán trực tuyến.

Trên đây là tình hình, kết quả triển khai, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính quý I và phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, P.TH;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

(Đính kèm Bảng thống kê số liệu)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Phước

DANH SÁCH**Các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang**

1. Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh An Giang;
2. Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh An Giang;
3. Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh An Giang;
4. Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;
5. Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang;
6. Quyết định số 17/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;
7. Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;
8. Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
9. Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;
10. Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh An Giang;
11. Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;
12. Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh An Giang;

13. Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh An Giang;

14. Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang./.